TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 169 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04/10/2019
V/v Tranh chấp:
"Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Hoa**.**
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
+ Ông Lê Văn Kiệt
+Ông Võ Quí Quốc

Thư ký phiên tòa ông Phạm Nhật Minh– Thư ký Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phi Yến- kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, tại Toà án nhân dân thành phố M tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 279/2019/TLST-HNGĐ ngày 22/42019 về việc tranh chấp "Xin ly hôn", Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2019/QĐXX-ST ngày 29/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17/9/2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Trần Thu T,** sinh năm: 1977 (có mặt).

Địa chỉ: 84 ấp N, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2/ *Bị đơn*: Anh **Bùi Văn H,** sinh năm: 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: 84 ấp N, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bàTrần Thu T trình bày:

Bà và ông Bùi Văn H chung sống với nhau năm 2007, có đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống về tiền bạc, không tin tưởng nhau, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vả, ông H bỏ nhà đi từ giữa năm 2018 cho đến nay, từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Bùi Văn H.

Con chung: Có 01 con chung tên Bùi Thúy V, sinh ngày 14/01/2010, hiện bà đang nuôi dưỡng cháu V. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Có 02 thửa đất:

+ Thửa đất thứ nhất: Thửa đất số 204, tờ bản đồ số 09, diện tích 365 m^2 do vợ chồng cùng mua năm 2012, nhưng ông H đứng tên, tại ấp 4, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, vợ chồng đã bán cho bà L vào năm 2012 giá 1.050.000.000 đồng, ông H là người nhận toàn bộ số tiền. Ông H trả nợ vay Quỹ tín dụng cơ sở M số tiền 249.519.600 đồng và chi xài trong gia đình, tổng cộng đã sử dụng 450.000.000 đồng, còn lại 600.000.000 đồng ông H cất giữ, khi ông H đi đem theo số tiên 600.000.000 đồng. Bà đồng ý giao cho ông H tiếp tục quản lý sở hữu 600.000.000 đồng.

+ Thửa thứ 2: Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.016 m^2 tại ấp 5, xã Đ, thành phố M, Tiền Giang, do ông H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất này do vợ chồng cùng mua năm 2012, hiện nay bà đang quản lý sử dụng thửa đất này. Nay bà yêu cầu được tiếp tục quản lý sủ dụng phần đất này.

Nợ chung: Không có.

Ông Bùi Văn H được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng ông H không đến tham gia các phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán tuân thủ đúng quy định của pháp luật như tiến hành xác minh, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xác minh, tống đạt các văn bản tố tụng đúng pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tại phiên tòa tuân thủ đúng quy định pháp luật, nguyên đơn tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa tuân thủ đúng qui định pháp luật. bị đơn không tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tóm tắt và nhận định nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà Trần Thu T; Con chung: Có 01 con Bùi Thúy V sinh ngày 14/01/2010 giao cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu bà T yêu cầu tiếp tục quản lý sử dụng phần đất thửa số 75, tờ bản đố 1 diện tích đo đạc thực tế 1.130,3 m^2 tại ấp 5, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Giao cho ông H tiếp tục quản lý sỡ hữu số tiền 600.000.000 đồng; Nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa bà Trần Thu T và ông Bùi Văn H là tranh chấp "Xin ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

[2] Tại phiên tòa bà Trần Thu T yêu cầu ly hôn với ông Bùi Văn H; Con chung có 01 con Bùi Thúy V sinh ngày 14/01/2010 bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung có 02 thửa đất ông H đã chuyển nhượng thửa đất số 204, tờ bản 9 diện tích 365m^2 giá 1.050.000 đồng nhưng ông H đã trả nợ và tiêu xài hết 450.000.000 đồng, còn lại 600.000.000 đồng ông H giữ bà đồng ý giao cho ông H tiếp tục quản lý sở hữu; còn thửa đất số 75, tờ bản đồ 1; diện tích 1.016m^2 (đo đạc thực tế 1.130,3m^2) hiện bà đang quản lý sử dụng khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục quản lý sử dụng.

[3] Tại phiên tòa ông Bùi Văn H đã được Tòa án triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng ông H không đến tham gia phiên tòa và cũng không cung cấp văn bày trình bày ý kiến để Hội đồng xét xử xem xét. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Bùi Văn H.

Xét các yêu cầu của các đương sự:

[1] Về hôn nhân: Bà Trần Thu T và ông Bùi Văn H chung sống với nhau năm 2007, có đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2018, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống về kinh tế tiền bạc, không tin tưởng nhau, ông H chuyển nhượng phần đất trả nợ và còn lại bao nhiêu ông H lấy tiền bỏ nhà đi từ giữa năm 2018 đến nay, bà T không liên lạc được, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Xét thấy bà T, ông H chung sống với nhau năm 2007 trong cuộc sống hàng ngày ông bà không tin tưởng nhau trong tiền bạc, vợ chồng làm ăn vay nợ ông H chuyển nhượng phần đất lấy tiền trả nợ một số tiền, còn lại một số tiền ông H cất giữ bỏ nhà đi luôn cho đến nay, bà T không liên lạc được với ông H

để trao đổi đưa ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng để đoàn tụ. Tại phiên tòa bà T yêu cầu ly hôn ông H. Ông H được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông H không đến tham gia phiên tòa và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của ông, thì coi như ông H từ bỏ ý kiến của ông. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa bà T và ông H đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Bà T yêu cầu ly hôn với ông H là có cơ sở và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thu T

[2] Về con chung: Có 01 con Bùi Thúy V sinh ngày 14-01-2010, hiện nay bà T đang nuôi. Xét thấy cháu V từ nhỏ chung sống với ông bà, nhưng từ ngày ông H bỏ nhà đi đến nay, bà T là người trực tiếp nuôi cháu V. Bà T trông nom, chăm sóc và giáo dục cho cháu V ăn học chu đáo, hơn nữa hiện nay ông H sống ở đâu bà T không biết. Để cho cháu V có cuộc sống ổn định không xáo trộn ảnh hưởng đến tâm lý tư tưởng của cháu Vy. Như vậy bà T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Vy phù hợp nguyện vọng của cháu Vy muốn sống với mẹ. Do đó yêu cầu của bà T yêu cầu trực tiếp nuôi cháu V là cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được trực tiếp nuôi cháu V.

[3] Về tài sản chung: Bà T khai trong quá trình ông H với bà chung sống tạo dựng được hai thửa đất gồm:

+ Thửa đất thứ nhất: Thửa đất số 204, tờ bản đồ số 9, diện tích 365 m^2, tại ấp b, xã Đ, thành phố M, Tiền Giang, bà T, ông H cùng mua năm 2012, sau đó bà T, ông H cùng chuyển nhượng cho bà Kim L được số tiền 1.050.000.000 đồng ông H là người nhận toàn bộ số tiền chuyển nhượng đất. Ông H trả nợ vay Quỹ tín dụng cơ sở M số tiền 249.519.500đồng và chi tiêu trong gia đình tổng cộng đã sử dụng hết 450.000.000 đồng, còn số tiền 600.000.000 đồng ông H cất giữ 600.000.000 đồng. Số tiền này bà T đồng ý giao cho ông H tiếp tục quản lý sử dụng sở hữu.

+ Thửa thứ 2: Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 1, diện tích thực tế 1.130,3m2, tại ấp N, xã Đ, thành phố M, Tiền Giang, do ông H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất này do vợ chồng cùng mua năm 2012 bà đang quản lý sử dụng thửa đất này trên đất có trồng bưởi da xanh. Nay bà yêu cầu được tiếp tục quản lý sủ dụng phần đất này.

Xét thấy ông H, bà T trong quán trình chung sống với nhau tạo dựng được khối tài sản gồm 02 thửa đất: Thửa số 204, tờ bản đồ 9 diện tích 365m^2 tại ấp b, xã Đ, thành phố M –Tiền Giang, ông bà mua năm 2012 do ông H đứng tên, ông H, bà T đã chuyển nhượng cho bà Đỗ Thị Kim L vào năm 2012 với giá 1.050.000 đồng, theo bà T khai ông H trả nợ Quỹ tín dụng cơ sở M số tiền 249.519.600 đồng và chi tiêu trong gia đình tổng cộng 450.000.000 đồng, còn lại 600.000.000 đồng ông H đang cất giữ, ông H bỏ nhà đi ông H đem theo hết. Phần đất thửa số 75, tờ bản đồ 1 diện tích đo đạc thực tế 1.130,3m^2 tại ấp N, xã Đ, thành phố M –Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ GCNCH: 02054 do UBND thành phố M cấp ngày 1-/02-2012 cho ông Bùi Văn H đứng tên. Xét thấy qua xác minh ở địa phương và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án trong thời kỳ hôn nhân của ông H, bà T tạo được khối tài sản chung gồm có 02 thửa đất, ông H đã chuyển nhượng thửa đất số 204, tời bản đồ số 9 diện tích 365m^2 cho bà Đỗ Thị Kim L với giá 1.050.000 đồng, ông H đã trả nợ và tiêu xài hết 450.000.000 đồng, còn lại 600.000.000 đồng ông H đang cất giữ, còn phần đất thửa số 75, tờ bản đồ số 1 diện tích đo đạc thực tế 1.130,3m^2 giá 600.000.000 đồng và cây trái trên đất số tiền 48.000.000đồng tổng cộng 648.000.000 đồng, Tổng cộng tài sản chung của ông H, bà T là 1.248.000.000 đồng, nhưng tại phiên tòa ông H không có mặt, bà T khai ông H đã cất giữ số tiền 600.000.000 đồng, bà T đang quản lý sử dụng thửa đất 75, tờ bản dố 1 diện tích 1.130,3m^2 là 600.000.000 đồng trên đất có 70 cây bưởi da xanh lớn 38.500.000 đồng, 30 cây bưởi da xanh nhỏ là 2.900.000 đồng, tổng giá trị là 648.000.000 đồng, hiện nay bà T đang nuôi

con. Do đó bà T yêu cầu được tiếp tục quản lý sử dụng phần dất thửa số 75, tờ bản đố 1 diện tích đo đạc thực tế 1.130.3m^2 là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T yêu cầu tiếp tục quản lý sử dụng phần đất thửa số 75, tờ bản đồ 1 diện tích đo đạc thực tế 1.130.3 m ^{2} tại ấp N, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Bà T đồng ý giao cho ông H tiếp tục quản lý sử dụng số tiền 600.000.000 đồng.

[5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Ý kiến phát biểu của đại diện Viên kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về chi phí tố tụng khác: Bà T có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ, đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ và bà đã nộp chi phí, bà tự nguyện chịu toàn bộ các khoản chi phí nên Hội đồng đồng xét xử ghi nhận

[8] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bà Trần Thu T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí chia tài sản chung. Ông H phải chịu án phí chia tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 101; Điều 104; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 26; Điều 33; Điều 59; Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng Điều 168 Luật đất đai.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thu T.

- Về hôn nhân: Bà Trần Thu T được ly hôn với ông Bùi Văn H.

- Về con chung: Giao cho bà Trần Thu H trực tiếp nuôi Bùi Thúy V sinh năm 14/01/2010. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có quyền đến trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung:

+ Chia cho bà Trần Thu T tiếp tục quản lý sử dụng phần đất thửa số 75, tờ bản đồ 1 diện tích đo đạc thực tế 1.130,3m^2 tại ấp N, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang trên đất có trồng bưởi da xanh 70 cây lớm 30 cây nhỏ có tứ cận như sau: (kèm theo sơ đồ).

Phía bắc giáp đất Dương Minh Châu.

Phía nam giáp đất Phạm Thị Ngọc Hà

Phía đông giáp đường bê tông

Phía tây giáp đất Rạch Hóc Đùng

Bà T có quyền đến cơ quan có thẩm để đăng ký kê khai làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chia cho ông Bùi Văn H tiếp tục sở hữu số tiền 600.000.000 đồng.

Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật

-Về nợ chung: Không có.

2/ Về chi phí tố tụng khác: Bà Trần Thu T phải chịu 2.300.000 đồng.

3/Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Trần Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 29.920.000 đồng án phí chia tài sản. (Tổng cộng bà T phải chịu 30.220.000đồng)

Ông Bùi Văn H phải chịu 28.000.000 đồng án phí chia tài sản.

Bà Trần Thu T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 12.300.000 đồng theo biên lai số 0014130, 0014131 ngày 22/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Bà T phải nộp tiếp số tiền 17.920.000đồng

4/ Bà Trần Thu T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Bùi Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kê từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thị Ngọc Hoa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP M;
- Chi cục THA dân sự TP M;
- Các đương sự;
(Đăng ký kết hôn năm 2010
UBND xã L
huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu)
- Lưu hồ sơ.